

việc ăn, ở, sinh hoạt của cán bộ hầu hết phải dựa vào dân.

Năm 1959, địch ra sức truy lùng bắt giết cán bộ, người cách mạng An Giang. Hàng trăm cán bộ, chiến sĩ, cơ sở cách mạng vùng Tân Châu – An Phú phải chạy sang vùng biên giới Campuchia dựa vào Việt kiều ở Péc-chay, Hưng Lợi, Mương Vú để sinh sống. Vùng biên này dần trở thành hậu cứ, đồng bào ở đây là cơ sở quan trọng cung cấp người và của cho cách mạng An Giang.

## **II- HỆ THỐNG TỔ CHỨC BAN KINH TÀI CÁC CẤP TỪ SAU PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI NĂM 1960:**

Từ khi có Nghị quyết 15 của Trung ương, phong trào đấu tranh cách mạng miền Nam chuyển sang một bước mới, kết hợp đấu tranh chính trị với bạo lực võ trang. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã góp phần phát triển lực lượng cách mạng, ta hình thành được vùng căn cứ, có đất đứng chân xây dựng lực lượng võ trang và từng bước thành lập bộ máy các ngành, các cấp nhằm đảm bảo yêu cầu phục vụ kháng chiến. Lực lượng ngày càng đông, chi phí ngày càng nhiều, Tỉnh ủy điều cán bộ các huyện, thị về tỉnh để tổ chức Ban Kinh tài. Hệ thống kinh tài các cấp từng bước được hình thành.

### ***1- Ban kinh tài của cấp ủy:***

Trong suốt giai đoạn chống Mỹ, hệ thống tổ chức bộ máy của ta tập trung dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng lực lượng

quân sự chớ không có chính quyền độc lập nên đã đòi hỏi mọi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ phải vừa biết làm công tác chính trị, vừa biết chiến đấu, đặc biệt là trong việc tuyên truyền, vận động tài chính. Trong khi đó, bộ máy chính quyền, quân đội địch lại trả lương cao, chi phí rộng... Do vậy, thời gian đầu hoạt động kinh tài là trách nhiệm chung của cán bộ, nhân viên, trong đó có phân công một vài cán bộ phụ trách chuyên môn phục vụ báo cáo, vạch kế hoạch thu chi tài chính...

Ban Kinh tài của cấp ủy được tổ chức khoảng năm 1961- khi ta có vùng căn cứ- và giai đoạn sau này thì ngày càng đầy đủ, cụ thể hơn. Riêng giai đoạn 1967 đến 1971, Ban Kinh tài của Tỉnh ủy An Giang có:

1- Đồng chí Vũ Hồng Đức (Mười Đức) – Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy – Trưởng ban

2- Đồng chí Nguyễn Văn An (Út An) – Phó Ban. Năm 1970 là Tỉnh ủy viên – Trưởng ban

3- Đồng chí Lê Quang Sáng (Tám Cao) – Ủy viên

4- Đồng chí Thái Hai Thợ – Ủy viên, phụ trách hậu cần.

5- Đồng chí Hồng Trang (bổ sung Ủy viên 1970) - phụ trách chung từ cửa khẩu ngã ba Vung Thặng dài đến Tịnh Biên.

6- Đồng chí Bảy Cá (bổ sung Ủy viên 1970) - phụ trách chung từ trạm Bắc Đai đến Vĩnh Xương.

7- Đồng chí Phạm Vinh – Trưởng Văn phòng, theo dõi ngân sách

8- Đồng chí Lê Minh Hiếu (Năm Hiếu) – Kế toán trưởng

9- Đồng chí Phan Thanh Nhã – Kế toán ngân sách các huyện, thị

10- Đồng chí Lê Chính – Kế toán ngân sách ngành cấp tỉnh

11- Đồng chí Mười – Thủ quỹ

12- Đồng chí Tám Thủy – Thư ký đánh máy, y tá cơ quan, hành chánh quản trị.

Về các bộ phận trạm (thời điểm 1970):

- Trạm thu biên giới Vĩnh Xương: đồng chí Út Nước đá – Trưởng trạm và Trào, Tự.

- Trạm Chạy Thum và khu phố Long Bình: đồng chí Sáu Già – Trưởng trạm và Hai Tại, Sấm .

- Trạm Bắc Đai: đồng chí Chính – Trưởng trạm, Ba Danh, Chín Cá Sặc, Tùng.

- Trạm Mương Vú - Bắc Nam của Khu (giao tỉnh thu tiền, người do Khu quản lý): đồng chí 61 – Trưởng trạm, Bảy Ngươn, Tư Tôm.

- Trạm Vung Thăng: đồng chí Ngay – Trưởng trạm, Mười Xương, Thành, Năm Long, Chơn, Sơn.

- Trạm Lộ Đức: đồng chí Mười Được – Trưởng trạm, Ba Mánh, Dũng, Minh.

Có thể nói đến năm 1969, về tổ chức bộ máy Kinh tài các cấp còn ít và yếu, nhất là ở xã, ấp nơi thực hiện mọi công tác kinh tế tài chính. Ở huyện chỉ có 1 Huyện ủy viên phụ trách chung nhiều việc, bộ máy kinh tế tài chính chỉ có 1 – 2 đồng chí và chỉ lo kế hoạch các ngành cấp huyện. Ở xã hầu hết không có Kinh tài, chỉ đặt tên cho một đồng chí Chi ủy viên phụ trách chung nhiều việc. Ban Kinh tài chưa đi sâu củng cố xây dựng ngành bên dưới. Vì vậy, Ban đã xây dựng chương trình hoạt động của cán bộ Ban đi công tác vùng điểm hướng dẫn cụ thể các bước xuống huyện, xã, ấp.

Trong phương hướng 6 tháng cuối năm 1969, Ban Kinh tài tỉnh phân công một bộ phận đi vùng trọng điểm toàn diện, một bộ phận đi thu quản lý trạm, một bộ phận quản lý ngân sách; củng cố các trạm thu và tổ chức thêm trạm thu. Biệt phái số cán bộ kế toán ngân sách đào tạo cho các huyện trong 3 tháng gồm đồng chí Thu – Châu Đốc, đồng chí Ngay – Tri Tôn, đồng chí Hiếu – Tịnh Biên, đồng chí Thanh – Tân Châu-An Phú, đồng chí Thịnh tiếp các cơ quan, huyện...

Đến cuối năm 1969, về bộ máy Ban Kinh tài tỉnh có 1 Tỉnh ủy viên chuyên trách, 1 Ủy viên Ban và 28 cán bộ công nhân viên. Về tổ chức kinh tài huyện, xã thì chưa được kiện toàn. Cụ thể: Tân Châu có 1 Phó Ban và 3 cán bộ; Châu Đốc, Tri Tôn, Châu Thành, Châu Phú, Tịnh Biên có 1 Ủy viên và từ



1 đến 4 cán bộ; Long Xuyên chỉ có 1 cán bộ, Phú Tân có 2 cán bộ của tỉnh điều xuống.

Chỉ có 3 huyện, thị có tổ chức Kinh tài xã với 1 ủy viên và 2 cán bộ là Tịnh Biên (2 xã Lạc Quới, Vĩnh Gia), Tân Châu (5 xã Khánh Bình, Khánh An, Nhơn Hội, Phú Hội, Phước Hưng) và thị xã Châu Đốc (3 xã Vĩnh Ngươn, Vĩnh Tế, Đa Phước).

Trong năm 1969, Ban Kinh tài tỉnh mở một lớp tập huấn cho 16 cán bộ cơ ngành tỉnh về nghiệp vụ. Đánh giá về tổ chức cho thấy cấp huyện chưa bố trí cấp ủy viên chuyên trách Kinh tế tài chính, mà thường vụ bao quát hết nên kế hoạch còn chung chung, có Phó Ban nhưng chủ yếu làm nhiệm vụ kế toán ghi chép. Tuy vậy, vẫn có một số đơn vị làm tốt như Nhơn Hội – Phú Hội (Tân Châu), Vĩnh Gia (Tịnh Biên), Vĩnh Tế, Vĩnh Ngươn (Châu Đốc). Do đó, trong kế hoạch năm 1970 của tỉnh đã chỉ rõ: *“Cần tiến hành gấp việc củng cố bộ máy Kinh tài huyện, xã. Cụ thể, huyện có 1 Huyện ủy viên chuyên trách, mỗi xã có Chi ủy viên chuyên trách”*.

Đến năm 1971, bộ phận Thường trực Ban Kinh tài tỉnh có thay đổi. Tháng 5/1971 đồng chí Út An (Trưởng ban) hy sinh khi đi dự hội nghị ở Khu, đồng chí Tám Cao làm thường trực. Đến tháng 11/1971, Tỉnh ủy phân công đồng chí Lê Văn Nhâm (Năm Chánh) – Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban. (Đến tháng 1/1975 đồng chí Năm Chánh hy sinh.)

Về bộ máy từ 1971 có: đồng chí Hồng Trang – Ủy viên, đồng chí Bảy Cá – Ủy viên và các bộ phận chủ yếu:

- Bộ phận hậu cần, tiếp liệu: đồng chí Thái Hai Thợ phụ trách, Lê Chính- cán bộ

- Bộ phận ngân sách: đồng chí Lê Minh Hiếu phụ trách, Kế toán trưởng là Phan Thanh Nhã.

- Thủ quỹ và kế toán kho vàng: đồng chí Ba Cao, Hai Nhi

- Ngân khố: đồng chí Năm Tịnh, Ba Thanh, Năm Hiến, Bảy Cụt và nhiều cán bộ công nhân viên khác.

Trong báo cáo 6 tháng đầu năm 1971, Ban Kinh tài tỉnh đánh giá: “*Lực lượng cán bộ có hạn, song với quyết tâm nỗ lực của cấp ủy, cán bộ nhân viên toàn ngành mà đạt kết quả thu chi*”. Qua đó, đề ra nhiệm vụ về tổ chức 6 tháng cuối năm 1971 là: “*Củng cố bộ máy kinh tế tài chính các cấp, chủ yếu số công khai, giáo dục cán bộ công nhân viên về tinh thần trách nhiệm, đảm bảo chức năng tham mưu cho Đảng*”.

Về công tác, bồi dưỡng, đào tạo, cho đến giữa năm 1972, Ban Kinh tài tỉnh có 7 cán bộ sơ cấp, 5 cán bộ cơ sở. Đến giữa năm 1973 về tổ chức Ban Kinh tế tài chính tỉnh có 48 người. Trưởng Ban do cấp ủy phụ trách (Năm Chánh), có 4 Ủy viên Ban: 1 đồng chí Thường trực (Tám Cao), 1 phụ trách trạm thu (Bảy Cá), 1 phụ trách Thương nghiệp (Hai Thợ) và 1 đi phong trào (Hong Trang).

Các bộ phận của Ban Kinh Tài có 43 người. Gồm:

- Văn phòng : 4 đồng chí.

- Bộ phận ngân sách : 4 đồng chí.
- Bộ phận kho quỹ : 2 đồng chí.
- 4 trạm thu 4 cửa khẩu : 25 đồng chí.
- Bộ phận thương nghiệp : 8 đồng chí.

Trong 6 tháng đầu năm 1973 phát triển 3, nghỉ việc 8, chuyển ngành 2, hy sinh 1, đưa đi học Trung học nghiệp vụ 1. Toàn tỉnh đưa 5 đồng chí tập huấn công tác Kinh tài ở Miền.

Về cấp huyện – thị xã mới 2 nơi có Ban Kinh tài là Tân Châu có 1 Phó Ban, 2 Ủy viên và 5 cán bộ, nhân viên. Huyện An Phú có 1 Phó Ban, 5 cán bộ công nhân viên. Còn lại Châu Phú có 1 kế toán, 1 thủ quỹ, thị xã Long Xuyên, Châu Đốc, Châu Thành, Phú Tân mỗi nơi 1 kế toán còn thủ quỹ do Văn phòng cấp ủy kiêm. Toàn tỉnh không còn xã nào có Ban Kinh tài xã.

Vì vậy, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 1973 được Ban Kinh Tài tỉnh nêu rõ: “*Cần củng cố và kiện toàn bộ máy kinh tài các cấp. Phấn đấu tăng nhân sự cấp huyện (Tân Châu – An Phú 10 người), các huyện, thị xã từ 5 – 7 người. Đối với cấp xã phấn đấu có 1 đảng viên hoặc xã ủy phụ trách công tác Kinh tài, có từ 3 – 7 nòng cốt thu (kể cả lộ và mật)*”.

Quá trình hoạt động, về tổ chức bộ máy Kinh tài luôn được cấp ủy quan tâm. Như trong chương trình công tác Kinh tài của tỉnh năm 1974 đã chỉ rõ:

- Kiện toàn củng cố bộ máy Kinh tài các cấp, bổ sung cán bộ có khả năng phục vụ yêu cầu công tác. Lãnh đạo chặt, xây dựng quan điểm lập trường tư tưởng, đạo đức tác phong.

- Các xã tranh chấp có điều kiện xây dựng ngay Ban Kinh tế tài chính xã. Các xã có đảng viên phải có 1 đồng chí chuyên trách và một vài nòng cốt chuyên lo Kinh tài .

Nhìn chung, theo yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng, hệ thống Kinh tài củ cấp ủy đã có nhiều nỗ lực hoàn thành công tác chuyên môn Phục vụ tốt yêu cầu các hoạt động trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhất là chuẩn bị cho Tổng tiến công nổi dậy giành chiến thắng mùa Xuân 1975. Nhiều cán bộ Kinh tài thời kỳ này đã trưởng thành và tiếp tục phục vụ đắc lực công tác tài chính trong giai đoạn mới.

## ***2- Tổ chức hậu cần của lực lượng vũ trang:***

Song song với Ban Kinh tài Đảng, từ năm 1960 khi có lực lượng vũ trang tập trung, ta cũng từng bước tổ chức bộ phận hậu cần nhằm phục vụ tốt yêu cầu luyện tập và chiến đấu, đặc biệt là các lần bị bao vây, phong tỏa, khi địa bàn căn cứ bị thu hẹp hay đáp ứng cho việc chuẩn bị các chiến dịch tấn công vùng địch. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh đội, bộ phận hậu cần lực lượng vũ trang đã gắn bó chặt chẽ với Ban Kinh tài của cấp ủy trong suốt những năm tháng chống Mỹ cứu nước.



Giữa tháng 8/1959, Tỉnh ủy An Giang mở hội nghị đánh giá tình hình, kiểm tra thực lực cách mạng và đề ra một số biện pháp cấp bách phục vụ cho yêu cầu chuyển thế của Khu ủy, đồng chí Võ Thái Bảo làm Trưởng Ban quân sự tỉnh.

Từ tháng 11/1959 ta chiếm vùng Phú Hữu làm căn cứ, lần lượt mở các lớp quân sự, đồng chí Lư Đình đang làm công tác tài chính ở Nam Vang được gọi về phụ trách Quân y đơn vị<sup>1</sup>. Bộ phận công trường bắt đầu hình thành, sản xuất các loại vũ khí thô sơ. Tiếp đó, các bộ phận phục vụ cho lực lượng vũ trang của tỉnh lần lượt ra đời.

Sau các trận đánh đồn, lấy súng, Tiểu đoàn 510 phát triển lên 10 tiểu đội. Các bộ phận chuyên môn cũng được xây dựng và bắt đầu hoạt động có hiệu quả. Đơn vị đã bám chặt vào “hậu cần nhân dân” của đồng bào vùng biên giới để đảm bảo hoạt động khắp vùng Tân Châu – An Phú.

Đầu tháng 9/1960, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng ở núi Tô bàn kế hoạch Đồng khởi, tăng cường Ban Quân sự tỉnh. Đồng chí Võ Thái Bảo làm Trưởng ban, đồng chí Nguyễn Văn Hoài (Năm Trần) làm Phó ban phụ trách hậu cần có các bộ phận phục vụ 60 người.

Công trường tỉnh đặt ở chân núi Cấm có 8 người. Hai bộ phận đóng quân ở Phú Hữu và Tịnh Biên được duy trì. Chi bộ

---

<sup>1</sup> Theo Lực lượng vũ trang nhân dân An Giang 30 năm kháng chiến – Tập II (1954 – 1975) trang 15.

làm Kinh tài cho Tỉnh ủy ở Nam Vang<sup>1</sup> nay đảm nhiệm thêm công tác hậu cần là cung cấp thuốc súng, nòng súng, gang, đồng và vật tư phục vụ cho công trường sản xuất vũ khí. Trạm trung chuyển vật tư, vật liệu từ Campuchia về nước đặt tại chợ Péc -chay (ngang Khánh Bình – An Phú). Bộ phận quân báo ngoài nhiệm vụ thu thập tình hình địch còn vận động tài chính, thuốc men, vật tư phục vụ cho tác chiến. Máy móc, nguyên vật liệu phục vụ công trình phần lớn do cơ sở Kinh tài ở Nam Vang mua sắm gửi về.

Vì bộ đội tỉnh ở phân tán, mọi sinh hoạt hậu cần của đơn vị đều dựa vào nhân dân nên hậu cần của tỉnh chỉ làm công tác vận chuyển, tiếp liệu. Tài chính thì được Tỉnh ủy cấp sinh hoạt phí cho mỗi chiến sĩ 3 đồng/ngày.

Cuối năm 1962, Ban chỉ huy Quân sự tỉnh được thành lập. Các cơ quan chuyên môn được củng cố khá hoàn chỉnh. Đông quân nhất là Ban hậu cần và giao bưu. Ban hậu cần quân số khoảng 200 người đóng ở Đồng trà, núi Tô, núi Dài, núi Cấm. Sau khi đồng chí Mười Thước bị pháo bắn gãy chân đầu năm 1963, đồng chí Năm Trần trực tiếp làm chủ nhiệm hậu cần. Các bộ phận chuyên môn của hậu cần gồm:

- Quân y (bí số 157), Công trường tỉnh (159), 2 đội tải: đường xa (161), tải nội địa (163), quân trang, bộ phận kho, hệ thống trạm giao liên. Về quân lương do đồng chí Hai Bưởi phụ

---

<sup>1</sup> Sđd. Lực lượng vũ trang An Giang – Tập 2, trang 64

trách, chủ yếu vận động quần chúng cơ sở đóng góp và mua lương thực, thực phẩm rồi tổ chức chuyển về căn cứ, cấp phát cho các đơn vị.

- Tiếp liệu có 2 bộ phận: 1 bộ phận chuyên quan hệ với cơ sở móc nối với quần chúng tốt để mua hàng giúp cho ta từ gạo, thuốc đến vật liệu sản xuất vũ khí. Một bộ phận đóng chốt ở Nam Vang vừa vận động Việt kiều đóng góp tiền, của để mua hàng hóa, vật liệu đưa về, vừa vận động thanh niên tòng quân.

- Tài vụ: sau khi đồng chí Mười Thước bị thương, đồng chí Năm Trần trực tiếp phụ trách. Tiền bạc chi hàng tháng cả tỉnh khoảng 100.000 đồng, do Kinh tài tỉnh cấp. Tiền ăn lúc này 3 đồng/người/ngày. Những lúc khó khăn, anh em cán bộ chiến sĩ có người bán tư trang cá nhân cho đơn vị mượn trước để cho bộ đội ăn<sup>1</sup>.

Vào năm 1963, cuộc chiến đấu tại núi Tô, núi Dài giằng co suốt 4 tháng. Tỉnh ủy phải chuyển sang núi Cấm. Lương thực khô cạn, đơn vị vũ trang tỉnh phải phân tán bám vào dân để sống, phải ăn rau củ... Tỉnh phải xin Khu tiền để nuôi bộ đội<sup>2</sup>.

Từ năm 1965, về tổ chức và địa bàn tác chiến của lực lượng vũ trang An Giang có thay đổi cho phù hợp cục diện

---

<sup>1</sup> *Sđd. Lực lượng vũ trang – Tập 2, trang 109.*

<sup>2</sup> Theo “*Đồng bằng Khu Trung Nam bộ chống Mỹ cứu nước, tập 1, trang 204.*”



chiến tranh mới. Các cơ quan phục vụ chiến đấu được tăng cường về mọi mặt. Đội tải đường xa nhập vào giao bưu thành Ban Giao bưu vận và đội tải hàng chiến lược.

Cơ quan hậu cần tuy gặp nhiều khó khăn vì địch thường xuyên đánh phá nhưng vẫn cố gắng để đảm bảo cho bộ đội chiến đấu. Sau khi đồng chí Năm Trần hy sinh ở núi Dài, đồng chí Võ Văn Tôn (Hai Hiếu Liêm) thay làm Chủ nhiệm. Đồng chí Bảy Đào (Nguyễn Văn Tố) – Tỉnh đội phó phụ trách hậu cần kiêm trưởng tiểu ban du kích chiến tranh kiêm thêm chức chính trị viên phụ trách hậu cần<sup>1</sup>.

Trong các đợt càn quét của địch vào Bảy Núi, các bộ phận hậu cần vừa phải đánh địch phục vụ cơ quan, lo di dời cơ sở vật chất còn phải lo phục vụ đầy đủ cho bộ đội. Chiến tranh càng ác liệt hậu cần càng vất vả, Ngay như văn phòng hậu cần trong năm 1965 cũng phải di chuyển nhiều lần giữa núi Dài, núi Cấm, đồng Tràm... để giữ gìn lực lượng và bảo vệ tài sản.

Tháng 4/1968, Ban chỉ huy Tỉnh đội có một số thay đổi, đồng chí Võ Khắc Sương (Năm Sương) làm Tỉnh đội trưởng, đồng chí Hai Hiếu Liêm làm Tỉnh đội phó phụ trách hậu cần.

Tháng 3/1969 đoàn chủ lực R về đứng chân ở Bảy Núi. Trong tình hình địch vây đánh các căn cứ lớn để gom, tát dân,

---

<sup>1</sup> Theo Lực lượng vũ trang nhân dân An Giang 30 năm kháng chiến – Tập 2, trang 146.



ta quyết định phản công địch. Một bộ phận hậu cần của tỉnh ở núi Dài chuyển sang làm nhiệm vụ cho bộ đội chủ lực: cung cấp lương đạn mìn, quân trang và cùng huyện, xã tổ chức tiếp lương, tải đạn.

Năm 1970 là năm ác liệt nhất trên chiến trường An Giang. Tháng 10/1970 địch tấn công quyết liệt vào hang hậu cần ở núi Dài, trận đánh giằng co kéo dài trọn tháng. Chấp hành kỷ luật chiến trường cán bộ hậu cần vừa chiến đấu vừa phục vụ cho bộ đội chiến đấu.

Từ tháng 5/1971, ta bàn giao xong chiến trường Kandal cho bạn, rút lực lượng về vùng biên giới Tà Keo. Lúc này cũng có lực lượng đứng chân vùng Tân Châu – An Phú, trong vùng Bảy Núi bộ đội địa phương thay chân bộ đội chủ lực. Do địch đánh phá cơ sở ác liệt, phong tỏa kinh tế gắt gao nên lương thực, thực phẩm cung cấp cho bộ đội rất thiếu thốn. Việc đột áp móc nối mua, vận chuyển gạo mỗi lần được tổ chức như một trận đánh, không lần nào không bị thương vong. Có lúc bộ đội phải ăn muối hàng chục ngày, chỉ có thương binh mới có một ít thực phẩm khô. Ban chỉ huy hậu cần phải cử một bộ phận chuyên trách xuống đồng trà m bắt cá chuyển về núi để nuôi thương binh. Đêm 15/1/1971, 12 cán bộ chiến sĩ cơ quan Tỉnh đội và đại đội 383 đột áp Thanh Lương (Ba Chúc) lấy gạo bị địch phục kích bắn chết 8, bị thương 3, 1 người bị bắt. Tết nguyên đán năm đó không ai ăn Tết cho ngon, bù ngùi thương tiếc anh em hy sinh.

Cuối năm 1971 các huyện Tri Tôn, Tịnh Biên, Huệ Đức nhập với Hà Tiên lập tỉnh Châu Hà. Ban chỉ huy quân sự tỉnh An Giang có sắp xếp lại. Đồng chí Phạm Thành Bé (Tư Be) làm Tỉnh đội phó phụ trách hậu cần.

Ở Châu Hà, trong tháng 5 – 6/1972, lực lượng vũ trang tỉnh phải chiến đấu trong điều kiện hết sức khó khăn, tỉnh mới thành lập, tài chính thiếu thốn, có những lúc cán bộ, bộ đội phải ăn cháo môn, quần áo rách không được cấp phát. Đường giao thông liên lạc bị địch phong tỏa, nhưng bộ đội vẫn tích cực tấn công địch khắp nơi.

Từ sau Hiệp định Paris (1973), địch tăng cường đánh phá, phong tỏa gát gạo về kinh tế, tổ chức đánh các điểm trên đường hành lang giao bưu; gài mìn, phục kích, tuyên truyền xuyên tạc bằng chiến tranh tâm lý. Hoạt động của chúng gây mất ổn định vùng căn cứ của ta ở từng nơi, bị gián đoạn liên lạc ở các chiến trường, gây khó khăn về vật chất, hậu cần. Lúc này hầu hết cơ quan của tỉnh không đủ gạo ăn, có lúc ăn cháo cả tuần làm ảnh hưởng không ít đến tư tưởng nội bộ. Chúng tạt dân ra khỏi vùng ta kiểm soát (gần phân nửa ấp ta giải phóng là ấp trắng).

Thực hiện Nghị quyết Trung ương Cục, tháng 8/1974, Tỉnh An Giang, Châu Hà sắp xếp thành hai tỉnh Long Châu Hà, Long Châu Tiền. Tỉnh đội Long Châu Tiền do đồng chí Lại Hữu Khai làm Tỉnh đội trưởng, đồng chí Phạm Thành Bé – Tỉnh đội phó phụ trách hậu cần.

Tháng 9/1974, Tỉnh ủy Long Châu Tiền họp Tỉnh ủy mở rộng lần I ra Nghị quyết công tác cuối năm 1974 và mùa khô 1974 – 1975. Về nhiệm vụ công tác hậu cần Nghị quyết nêu rõ: Triệt để khai thác hậu cần nhân dân, sử dụng tiết kiệm đúng mức hậu cần của trên chi viện... đẩy mạnh sản xuất tự túc.

Thực hiện kế hoạch trong bước 1 mùa khô, để tiện việc chỉ đạo, Tỉnh ủy, Tỉnh đội chủ trương từ tháng 12/1974 đến tháng 4/1975 chia 5 cao điểm (theo tháng). Công tác đảm bảo chiến đấu và chuẩn bị chiến trường được tiến hành khẩn trương... Đội tải 161 của hậu cần tỉnh cũng kịp về trong tháng 11/1974.

Ở Long Châu Hà, ngày 5/9/1974, Tỉnh đội họp mở rộng xây dựng kế hoạch chiến dịch mùa khô 1974 – 1975. Trong tháng 10/1974 công tác tổ chức, đảm bảo hậu cần... phục vụ đã chuẩn bị xong. Ban hậu cần với quân số 127 người phân công nhiệm vụ cho 3 đơn vị và 6 huyện trực tiếp và hỗ trợ cho địa phương thu đảm phụ trên từng địa bàn, nhất là vùng giải phóng.

Ban cán sự tỉnh và tỉnh đội Long Châu Hà đã đặt vấn đề dự trữ lương thực từ đầu mùa khô 1974 để phòng bị đói như các năm. Vì vậy trước khi vào chiến dịch 1975 ta đã có đủ gạo ăn đến tháng 6/1975. Cảnh đó, hàng quân giới đã huy động lực lượng tỉnh, huyện vận chuyển nên số lượng hàng cho các giai đoạn của chiến dịch đã bảo đảm đươ tới các nơi chuẩn bị chiến đấu đúng ngày giờ.



Nhìn chung, một trong những nguyên nhân thắng lợi của lực lượng vũ trang An Giang là nắm vững quan điểm tự lực, tự cường, mạng lưới hậu cần từ xã, huyện, tỉnh đã phát triển rộng khắp song song với việc xây dựng lực lượng vũ trang. Vì vậy, bộ đội đi đến đâu cũng có đủ lương thực, thực phẩm, vũ khí đạn dược phục vụ kịp thời cho tác chiến. Đặc biệt với thế mạnh của vùng biên giới, ta đã vận động kiều bào Việt Nam ở Campuchia đóng góp rất nhiều sức người, sức của cho cách mạng ở An Giang. Hậu cần đã góp phần cứu chữa thương bệnh binh, sản xuất vũ khí và xây dựng lực lượng lớn mạnh không ngừng, đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng.

### **III- CÁC NGUỒN THU TÀI CHÍNH CỦA CÁCH MẠNG:**

#### ***1. Hậu cần nhân dân:***

Là một trong những tỉnh ở xa Trung ương, địa bàn trọng điểm bình định của địch, nên từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến, quân dân An Giang đã xác định mục tiêu trọng yếu để duy trì, xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng, đảm bảo các yêu cầu hoạt động, chiến đấu là phải xây dựng hậu cần tại chỗ. Việc xác định “Hậu cần nhân dân” là sức mạnh kinh tế đảm bảo cho các mặt hoạt động chính trị, quân sự là quan điểm tự lực, tự cường trong điều kiện thực tế địa bàn, không ỷ lại trông chờ vào cấp trên, không có căn cứ đứng chân bền vững.

Muốn vậy, một mặt phải tăng cường phát động nhân dân đấu tranh về kinh tế với địch, chống địch bao vây phá hoại